

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-PT

Ngày: 09/01/2025

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạt

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Ông Phạm Văn Tĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09/01/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2024/TLPT-HNGĐ ngày 25/10/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 99/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4454/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 12/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4958/2024/QĐ-PT ngày 09/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 4, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

1. Luật sư Nguyễn Thị M, thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Luật sư Nguyễn Văn T, thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: 118E3 đường số 3, khu dân cư Sao Mai, khu phố Mỹ T, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q Việt Nam (VIB)

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1, tầng 2 Tòa nhà Sailing Tower-111A Pasteur, phường

B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V-Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H-Chức vụ: Giám đốc
Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng Bán lẻ 1. (vắng mặt)

- **Người kháng cáo:** Bà Lê Thị Mỹ C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông và bà Lê Thị Mỹ C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 27/03/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, ông công tác ở tỉnh Hậu Giang, bà C và con sống ở xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, cuối tuần ông về Bến Tre thăm vợ con. Vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì với nhau nhưng do vợ chồng sống ở xa nhau nên tình cảm vợ chồng không còn như trước, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau như lúc trước. Do đó, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông không còn yêu thương bà C nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông B yêu cầu cho ông được ly hôn với bà C.

- Về con chung: Trong quá trình hôn nhân, ông và bà C có 01 con chung tên Nguyễn Lê GH, sinh ngày 13/12/2017. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu bà C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ông cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thu nhập thực tế của ông hiện nay là 23.812.000 đồng/tháng nhưng trong thời gian ly thân ông không có gởi tiền về để cùng bà C nuôi dưỡng con chung là vì ông và bà C có thỏa thuận là để bà C lo cho con còn tiền lương của ông dùng vào việc trả góp để mua xe ô tô.

- Về tài sản chung: Vợ chồng ông có 01 xe ô tô mua trả góp hàng tháng, mỗi tháng trả 9.000.000 đồng, hiện nay đã trả xong. Tuy nhiên, chiếc xe này ông không yêu cầu Tòa án giải quyết, để ông và bà C tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: ông B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Mỹ C trình bày:

Bà thống nhất với ông B về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiền đến hôn nhân, thời gian ly thân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân ông B xin ly hôn với bà là do bà nghe gia đình ông B kể lại là “ông B có người phụ nữ khác bên ngoài”, riêng vợ chồng bà thì không có mâu thuẫn gì. Mặc dù, bà và ông B ly thân từ năm 2022 đến nay nhưng với bốn phận làm dâu, thỉnh

thoảng bà có chở con về thăm ông bà nội. Trong thời gian ly thân gia đình ông B đã nhiều lần tìm cách để hàn gắn đoàn tụ cho ông bà nhưng ông B không đồng ý. Trong thời gian ly thân ông B không cho bà cơ hội để nói chuyện với nhau nên ông B không hiểu và thông cảm cho bà dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay ông B xin ly hôn bà không đồng ý vì bà còn thương ông B và bà cũng không muốn con chung của ông bà bị thiếu tình cảm, sự yêu thương chăm sóc của cha và mẹ. Trường hợp có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B thì bà yêu cầu như sau:

- Về con chung: sau khi ly hôn bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê GH, sinh ngày 13/12/2017, bà yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng bà có 01 xe ô tô hiện do ông B đang quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, chiếc xe này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, để bà và ông B tự thỏa thuận.

Về nợ chung: bà C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 99/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị Mỹ C liên đới trả số tiền vay là 134.084.270 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B đối với bà Lê Thị Mỹ C, cụ thể tuyên:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị Mỹ C được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Sau khi ly hôn bà Lê Thị Mỹ C trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê GH, sinh ngày 13/12/2017, ông Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh B được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi

người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông B và bà C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông B và bà C khai không có nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/9/2024, bị đơn bà Lê Thị Mỹ C kháng cáo. Theo đơn kháng cáo, bà C yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử cho ông B ly hôn thì bà C yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ C vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Tuy nhiên, bà C thay đổi yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con, bà C yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu Hưng theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B không đồng ý với nội dung đơn kháng cáo của bà C; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư M trình bày: bà C mong muốn có cơ hội hàn gắn tình cảm với ông B nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B. Đối với yêu cầu cấp dưỡng, nếu hàn gắn được thì không yêu cầu cấp dưỡng, nếu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông B thì bà C thay đổi yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng nữa mà yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Mỹ C; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Lê Thị Mỹ C kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q Việt Nam (VIB) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử

vắng mặt Ngân hàng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lê Thị Mỹ C kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Thanh B vì cho rằng giữa hai bên hoàn toàn không có mâu thuẫn gì gọi là trầm trọng đến mức không thể hàn gắn, vợ chồng sống rất hạnh phúc từ năm 2015 đến năm 2022. Do ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mới xin ly hôn với bà C. Bà C cho rằng bà vẫn còn tình cảm và thương ông B nên rất mong muốn đoàn tụ gia đình để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên để ông B suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà C để quay về đoàn tụ với nhau cùng lo cho con. Tuy nhiên, ông B vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn lại tình cảm với bà C được nữa. Phía bà C không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được biện pháp gì khả thi để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, ông B và bà C ly thân đã lâu, từ sau khi kết hôn đến nay mỗi người sống một nơi, hiện không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa các bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông B được ly hôn với bà C là phù hợp.

[2.2] Về mức cấp dưỡng, bà C kháng cáo cho rằng trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử cho ông B ly hôn thì bà C yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Lê GH, sinh ngày 13/12/2017 mỗi tháng 4.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Bà C kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới có giá trị chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của bà C.

[2.3] Đối với những nội dung khác của bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Mỹ C. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 99/2024/HNGĐ-ST ngày 12/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam về việc yêu cầu ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị Mỹ C liên đới trả số tiền vay là 134.084.270 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu, không trăm tám mươi bốn nghìn, hai trăm bảy mươi đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh B đối với bà Lê Thị Mỹ C, cụ thể tuyên:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh B được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ C.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Mỹ C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Lê GH, sinh ngày 13/12/2017 cho đến khi thành niên. Ông Nguyễn Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Hưng mỗi tháng là 4.000.000 (bốn triệu) đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Hưng đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Thanh B được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông B và bà C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông B và bà C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Thanh B phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003104 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp

đường nuôi con.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.352.000 (ba triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002883 ngày 11/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí phúc thẩm: bà Lê Thị Mỹ C phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004432 ngày 24/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạt